

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2021/HN&GD-ST**

Ngày: 30-9-2021

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Công Hòa.

2/ Ông Nguyễn Đức Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2021/TLST-HN&GD ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-HN&GD ngày 09 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 8, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ 2, thôn 5, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Anh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kai, có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn thì anh D và chị H vào Sài Gòn buôn bán được hơn 2 năm thì anh D và chị H chuyển về lại xã Đa Kai sinh sống; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc khoảng hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, hay cãi nhau và dẫn đến ly thân từ năm 2018 cho đến nay; chị H về nhà di ruột ở Thôn 5 – xã Đa Kai sinh sống và đi làm công nhân ở xa; còn anh D sống ở thôn 8 – xã Đa Kai; nay anh D xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D ly hôn chị H.

Về con chung: Anh D và chị H có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Anh Khoa, sinh năm 2013 và Nguyễn Ngọc Trà My, sinh năm 2015; sau khi anh D và chị H sống ly thân thì 02 con ở chung với tôi, cuộc sống ổn định, do đó anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn (thông qua người thân là dì ruột tên Cao Thị Thanh), tuy nhiên chị H không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H đối với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh D, cụ thể:

Về hôn nhân: Tuyên bố anh D ly hôn chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc anh D chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Nguyễn Anh D khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Nguyễn Thị Kim H; chị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Kim H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Kim H.

[3] Về chứng cứ: Bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 85, cấp ngày 02/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh; có căn cứ khẳng định anh D và chị H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh D và chị H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn, theo anh D thì cuộc sống hôn nhân của anh và chị H hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D và chị H không hợp nhau về tình cảm, không hiểu nhau về tính tình và dẫn đến việc anh D, chị H phải sống ly thân nhau cho đến nay; trong thời gian sống ly thân thì anh D và chị H không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng; nay anh D xác định không còn tình cảm với chị H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay, mặc dù chị H đã biết được yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh D. Điều đó cho thấy chị H không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng, chăm sóc con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” thì mục đích hôn nhân mới đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân thực tế giữa chị H và anh D không còn tồn tại, hôn nhân đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị H.

[4.2] Về con chung, về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh D.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Anh D ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, do Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh cấp vào ngày 02/10/2012, cấp cho anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị Kim H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Anh D phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005507 ngày 20/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Nguyễn Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đa Kai;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN